

Mẫu số 01

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 316-26/CV-TCO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Dịch vụ Biển Tân Cảng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng 6 tháng đầu năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Dịch vụ Biển Tân Cảng

- Mã chứng khoán: TOS
- Địa chỉ: Số 52 – 54 Trương Văn Bang, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ: (+84) 28 7300 6826 Fax: (+84) 28 3535 5423
- Email: info@tco.com.vn Website: <https://tancangoffshore.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026):

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026):

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:



Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/8/2026 tại đường dẫn: https://tancangoffshore.com/invester_cat/bao-cao-tai-chinh/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2026

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phùng Hùng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026

ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 8
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	9
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10 - 11
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	12 - 51

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 08 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi vốn điều lệ.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cung cấp tàu Dịch vụ dầu khí đa năng, tàu trục và tàu bảo vệ; Dịch vụ lai dắt, cứu hộ và cứu nạn; Dịch vụ Khảo sát ngầm; Dịch vụ Vận chuyển và Lắp đặt (T&I); Dịch vụ quản lý và khai thác cảng; Dịch vụ cung ứng.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 7300 6826
- Fax : 028 3535 5423

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Đăng Phúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Trương Bá Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2026
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2026
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2026
Ông Vũ Nhật Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2026
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	
Ông Phạm Huy Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2026

Ban điều hành

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Quang Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2026
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Phùng Hưng – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Phùng Hưng

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 51, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.568.563.054.724	1.673.836.337.144
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	409.185.327.307	444.311.473.839
1. Tiền	111		177.906.985.553	243.672.115.604
2. Các khoản tương đương tiền	112		231.278.341.754	200.639.358.235
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		182.523.722.465	125.213.152.328
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	182.523.722.465	125.213.152.328
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.416.698.881.212	899.383.288.665
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	907.860.177.149	678.818.589.217
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	454.889.779.279	217.587.223.575
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	53.948.924.784	2.977.475.873
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	489.751.608.934	170.374.990.897
1. Hàng tồn kho	141		489.751.608.934	170.374.990.897
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		70.403.514.806	34.553.431.415
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7a	8.032.359.290	8.349.226.933
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		52.855.853.872	16.684.971.605
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.8	9.515.301.644	9.519.232.877

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.378.145.928.918	2.478.935.256.853
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		70.000.000	70.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		70.000.000	70.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.180.211.148.311	829.765.950.083
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.081.396.663.125	730.951.464.897
- Nguyên giá	222		2.890.275.818.210	2.444.696.678.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.808.879.155.085)	(1.713.745.213.305)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	98.814.485.186	98.814.485.186
- Nguyên giá	228		99.263.085.186	99.263.085.186
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(448.600.000)	(448.600.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		205.627.230.738	524.814.847.190
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	205.627.230.738	524.814.847.190
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		918.565.737.542	1.059.314.776.852
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	544.412.925.879	493.722.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	375.941.870.000	398.216.870.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(11.190.729.571)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2a	9.401.671.234	167.375.506.852
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		73.671.812.327	64.969.682.728
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7b	57.633.872.327	38.239.782.728
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.12	16.037.940.000	26.729.900.000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		4.946.708.983.642	4.152.771.593.997

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.847.977.987.139	2.323.483.274.545
I. Nợ ngắn hạn	310		1.859.186.737.784	1.532.684.616.550
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	766.444.932.642	506.720.605.514
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14a	104.953.396.643	90.296.540.081
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.15	101.670.707.500	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.16	59.897.270.014	206.411.566.344
5. Phải trả người lao động	315		15.607.941.334	53.936.163.257
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	116.047.775.898	52.184.382.614
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.18a	101.644.245.455	128.374.145.455
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.19a	4.653.110.592	4.213.238.477
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.20a	474.157.558.752	381.384.233.807
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	114.109.798.954	109.163.741.001
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		988.791.249.355	790.798.657.995
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.14b	268.588.475.182	268.588.475.182
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	V.18b	7.151.515.152	44.608.687.880
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.19b	14.713.891.681	14.713.891.681
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.20b	698.337.367.340	462.887.603.252
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22	2.098.730.996.503	1.829.288.319.452
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		449.996.810.000	449.996.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		449.996.810.000	449.996.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.094.850.278.952	301.307.728.989
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		26.872.565.779	26.872.565.779
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		527.011.341.772	1.051.111.214.684
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		127.034.404.268	239.533.606.768
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		399.976.937.504	811.577.607.916
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.946.708.983.642	4.152.771.593.997

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Đỗ Thế Cường

Vũ Quang Tiến

Nguyễn Phùng Hưng



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.380.067.307.561	1.266.560.479.598
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.380.067.307.561	1.266.560.479.598
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	865.582.019.874	865.554.340.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		514.485.287.687	401.006.139.158
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	64.961.306.748	28.861.298.156
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	49.345.557.822	27.173.416.083
Trong đó: chi phí đi vay	24		31.594.719.483	23.779.693.693
9. Chi phí bán hàng	25		432.090.484	956.762.982
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	62.058.467.306	50.437.754.975
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		467.610.478.823	351.299.503.274
12. Thu nhập khác	31	VI.6	215.463.788	101.350.315.197
13. Chi phí khác	32		338.481.447	-
14. Lợi nhuận khác	40		(123.017.659)	101.350.315.197
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		467.487.461.164	452.649.818.471
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	56.818.563.660	119.703.211.547
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	10.691.960.000	(37.421.860.000)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		399.976.937.504	370.368.466.924
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Đỗ Thế Cường

Vũ Quang Tiến

Nguyễn Phùng Hưng

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		467.487.461.164	452.649.818.471
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	95.133.941.780	58.649.541.986
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	11.190.729.571	(26.789.921.346)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(1.317.769.715)	1.455.313.943
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3	(56.834.572.205)	(122.401.317.732)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	31.594.719.483	23.779.693.693
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		547.254.510.078	387.343.129.015
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(251.406.299.202)	(49.927.576.730)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(319.376.618.037)	(37.801.008.319)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		242.934.333.639	156.227.509.638
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(19.077.221.956)	17.447.573.401
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(38.527.423.752)	(28.280.336.053)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(203.218.108.526)	(68.679.596.768)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(13.089.000.000)	(8.893.851.111)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(54.505.827.756)	367.435.843.073
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(381.802.498.017)	(212.229.157.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	363.779.200.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		100.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.665.525.879)	(282.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.074.887.550	3.043.196.064
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(301.393.136.346)	(227.906.761.436)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	888.766.400.618	524.897.338.192
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(560.851.517.757)	(576.460.199.211)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.828.495.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		317.086.387.861	(51.562.861.019)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(38.812.576.241)	87.966.220.618
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	444.311.473.839	351.731.794.023
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.686.429.709	2.879.463.069
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	409.185.327.307	442.577.477.710

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Đỗ Thế Cường

Vũ Quang Tiến

Nguyễn Phùng Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cung cấp tàu Dịch vụ dầu khí đa năng, tàu trục và tàu bảo vệ; Dịch vụ lai dắt, cứu hộ và cứu nạn; Dịch vụ Khảo sát ngầm; Dịch vụ Vận chuyển và Lắp đặt (T&I); Dịch vụ quản lý và khai thác cảng; Dịch vụ cung ứng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng ("Tcots")	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang ("TCKG")	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Xã Kiên Lương, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	66,67%	66,67%	66,67%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc ("TCM")	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54,00%	54,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng ("TCDG")	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam) ("TCI")	NQ 10-15, Nguyệt Quế 10, Khu đô thị Vinhomes Star City, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện ("TCLH")	Tòa nhà Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn, 808 đường Lê Hồng Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	69,57%	69,57%	69,57%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Tầng 3, số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	95,00%	95,00%	95,00%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	Thôn Kiều Lương, xã Phú Lăng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa	31,00%	31,00%	31,00%
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	43,79%	43,79%	43,79%

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 548 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 513 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "TOS" theo quyết định số 406/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 08 tháng 9 năm 2021. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 44.999.681 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 99”) và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con, công ty liên kết thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập dự phòng bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con, công ty liên kết tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại cùng thời điểm. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (thường là 36 tháng).

Chi phí mua bảo hiểm trả trước

Chi phí mua bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 10
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	04 – 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

11. Kế toán giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định

Đối với giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định, chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản cố định được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Trường hợp bán và thuê lại tài sản cố định theo hình thức thuê hoạt động:

- Nếu giá bán thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản cố định: Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị hợp lý của tài sản cố định được ghi nhận vào chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê tài sản.
- Nếu giá bán cao hơn giá trị hợp lý của tài sản cố định: Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị hợp lý của tài sản cố định được ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện và kết chuyển giảm chi phí thuê theo thời gian thuê tài sản.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật chứng khoán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chi phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chỉ phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty con, công ty liên kết.
- Các cổ đông là các tổ chức có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm cả công ty con của các tổ chức này.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng), Ban Kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	337.798.418	1.124.378.660
Tiền gửi không kỳ hạn	177.569.187.135	242.547.736.944
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	65.649.190.093	88.933.730.293
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	50.261.144.365	82.335.378.370
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	56.027.654.746	44.731.756.005
- Các ngân hàng, tổ chức khác	5.631.197.931	26.546.872.276
Tương đương tiền	231.278.341.754	200.639.358.235
- Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội	10.000.000.000	100.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	80.000.000.000	80.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Vũng Tàu	40.000.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	100.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	20.000.000.000
- Lãi dự thu của các khoản tương đương tiền	1.278.341.754	639.358.235
Cộng	409.185.327.307	444.311.473.839

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	181.790.000.000	-	124.050.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	9.050.000.000	-	9.050.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	157.740.000.000	-	100.000.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	733.722.465	-	1.163.152.328	-
Cộng	182.523.722.465	-	125.213.152.328	-

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ 06 tháng đến 10 tháng, lãi suất từ 2,9% đến 4,2%/năm đã được đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng	-	-	156.450.000.000	-
TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Cho vay Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry ^(*)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Lãi dự thu từ cho vay	401.671.234	-	1.925.506.852	-
Cộng	9.401.671.234	-	167.375.506.852	-

- (*) Là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry (Công ty con) theo Hợp đồng ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Phụ lục ngày 17 tháng 03 năm 2025, số tiền 9.000.000.000 VND, thời hạn 60 tháng tính từ ngày nhận tiền vay đầu tiên (ngày 30/11/2022). Lãi suất cố định 9%/năm, tiền lãi trả định kỳ theo quý.

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	544.412.925.879	-	493.722.400.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	51.000.000.000	-	51.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	64.022.400.000	-	64.022.400.000	-
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	35.700.000.000	-	35.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng	153.000.000.000	-	153.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện	160.000.000.000	(11.190.729.571)	160.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry	50.690.525.879	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	375.941.870.000	-	398.216.870.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	121.249.370.000	-	121.249.370.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry	-	-	22.275.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	17.767.500.000	-	17.767.500.000	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Tân Cảng	218.925.000.000	-	218.925.000.000	-
Cộng	920.354.795.879	(11.190.729.571)	891.939.270.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số lượng cổ phần/phần vốn góp nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	5.100.000 CP	51,00%	5.100.000 CP	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	3.000.000 CP	66,67%	3.000.000 CP	66,67%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	6.402.240 CP	54,00%	6.402.240 CP	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng ⁽ⁱ⁾	10.200.000 CP	51,00%	6.630.000 CP	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng	15.300.000 CP	51,00%	15.300.000 CP	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện	16.000.000 CP	69,57%	16.000.000 CP	72,73%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	3.911.270 CP	31,00%	3.911.270 CP	31,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry ⁽ⁱⁱ⁾	4.275.000 CP	95,00%	2.025.000 CP	45,00%
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	17.767.500.000 VND	50,00%	17.767.500.000 VND	50,00%
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	1.800.000 CP	36,00%	1.800.000 CP	36,00%
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	8.757.000 CP	43,79%	8.757.000 CP	43,79%

(i) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu, số lượng cổ phần Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng tăng 3.570.000 cổ phần (từ 6.630.000 cổ phần lên 10.200.000 cổ phần); tỷ lệ sở hữu và giá trị ghi sổ không thay đổi.

(ii) Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 2.250.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng với giá mua là 30.665.525.879 VND (tương đương 13.629 VND/1 cổ phiếu). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.275.000 cổ phiếu, tương đương 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry (số đầu năm là 2.025.000 cổ phiếu, tương đương 45% vốn điều lệ). Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry từ công ty liên kết trở thành công ty con kể từ ngày 21/4/2026.

Giá trị có thể thu hồi

Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết trong kỳ

Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	11.190.729.571	-
Số cuối kỳ	11.190.729.571	-

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết trong kỳ

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VII.2b.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	251.475.038.022	-	239.673.891.968	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	79.187.108.728	-	118.170.900.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	34.100.902.494	-	32.823.723.177	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	1.004.400.000	-	2.008.800.000	-
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	67.447.279.612	-	57.633.618.499	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Tân Cảng	17.400.672.500	-	3.937.162.806	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	1.406.826.892	-	1.474.321.410	-
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	4.897.018.209	-	7.010.295.583	-
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	16.840.200.000	-	5.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	10.044.000.000	-	289.332.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	16.441.829.587	-	2.677.461.209	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu ^(*)	-	-	8.248.277.284	-
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	2.704.800.000	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	656.385.139.127	-	439.144.697.249	-
SC Management Co., Ltd	100.678.061.172	-	131.308.154.485	-
PTSC Marine	119.910.446.133	-	57.246.245.773	-
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	136.573.405.929	-	98.428.079.500	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu ^(*)	655.672.322	-	-	-
Các khách hàng khác	298.567.553.571	-	152.162.217.491	-
Cộng	907.860.177.149	-	678.818.589.217	-

^(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu không còn là bên liên quan của Công ty.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	1.926.248.676	662.443.069
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	1.926.248.676	376.747.594
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	-	285.695.475
Trả trước cho các người bán khác	452.963.530.603	216.924.780.506
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam ⁽ⁱ⁾	120.713.423.724	120.713.423.724
Oceaner Marine (Tianjin), Ltd ⁽ⁱⁱ⁾	150.217.800.000	-
Fujian Lixin Ship Engineering Co., Ltd ⁽ⁱⁱⁱ⁾	77.617.888.009	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam ^(iv)	65.262.474.902	87.016.633.203
Các nhà cung cấp khác	39.151.943.968	9.194.723.579
Cộng	454.889.779.279	217.587.223.575

Trong đó:

Khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	252.756.654.286	-
---	-----------------	---

- (i) Là khoản trả trước 10% giá trị hợp đồng trước thuế cho Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thuê dịch vụ bọc ống – Dự án đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn PC2 ngày 30/09/2025. Thời hạn thực hiện hợp đồng trước 12/2026.
- (ii) Là khoản trả trước 30% giá trị hợp đồng cho Oceaner Marine Tianjin Ltd theo Hợp đồng Mua bán Tàu mã số SOM03-SPC20260120 ngày 25/5/2026. Dự kiến tàu được bên bán bàn giao cho bên mua vào ngày 01/9/2026
- (iii) Là khoản trả trước 20% giá trị hợp đồng cho Fujian Lixin Ship Engineering Co.,Ltd theo Hợp đồng đóng tàu số LXCB2024125 ký ngày 10/11/2025. Thời gian bàn giao là 60 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- (iv) Là khoản trả trước 10% giá trị hợp đồng trước thuế cho Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thuê nhà thầu chế tạo ống và co ống (bend) – Dự án đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn - PC2 ngày 25/09/2025. Thời hạn thực hiện hợp đồng trước 11/2026.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị dự phòng</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	49.485.990.970	-	138.442.769	-
Cổ tức được chia	49.323.966.617	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	7.650.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	9.603.360.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	11.178.351.617	-	-	-
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	6.630.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	7.467.255.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ Hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân cảng	2.520.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	4.275.000.000	-	-	-
Phải thu khác - Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	162.024.353	-	138.442.769	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.462.933.814	-	2.839.033.104	-
Ký cược, ký quỹ	947.257.376	-	752.933.902	-
Tạm ứng	3.003.414.828	-	1.675.636.351	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	512.261.610	-	410.462.851	-
Cộng	53.948.924.784	-	2.977.475.873	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

Là nhiên liệu dự trữ cấp cho các tàu vận tải và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dịch vụ cho thuê tàu vận tải, vận chuyển ngoài khơi, cụ thể:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	44.354.165.794	45.466.433.189
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	445.397.443.140	124.908.557.708
Cộng	489.751.608.934	170.374.990.897

7. Chi phí chờ phân bổ**7a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

Là chi phí bảo hiểm chờ phân bổ.

7b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.916.511.478	3.984.545.306
Chi phí sửa chữa tàu, bảo dưỡng tàu	10.432.770.119	16.567.706.621
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	37.496.078.246	17.337.573.019
Các chi phí khác	6.788.512.484	349.957.782
Cộng	57.633.872.327	38.239.782.728

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh V.20)	9.500.000.000	9.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	4.500.000.000	4.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi thế chấp	15.301.644	19.232.877
Cộng	9.515.301.644	9.519.232.877

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	434.155.654.077	1.099.616.990.102	908.752.222.494	973.591.274	1.198.220.255	2.444.696.678.202
Mua trong kỳ	-	38.500.000.000	-	-	-	38.500.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	407.079.140.008	-	-	407.079.140.008
Số cuối kỳ	<u>434.155.654.077</u>	<u>1.138.116.990.102</u>	<u>1.315.831.362.502</u>	<u>973.591.274</u>	<u>1.198.220.255</u>	<u>2.890.275.818.210</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	416.008.714.510	582.043.820.457	4.869.341.666	973.591.274	1.198.220.255	1.005.093.688.162
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	420.187.551.416	941.727.106.768	349.658.743.592	973.591.274	1.198.220.255	1.713.745.213.305
Khấu hao trong kỳ	907.346.976	31.609.104.793	62.617.490.011	-	-	95.133.941.780
Số cuối kỳ	<u>421.094.898.392</u>	<u>973.336.211.561</u>	<u>412.276.233.603</u>	<u>973.591.274</u>	<u>1.198.220.255</u>	<u>1.808.879.155.085</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.968.102.661	157.889.883.334	559.093.478.902	-	-	730.951.464.897
Số cuối kỳ	<u>13.060.755.685</u>	<u>164.780.778.541</u>	<u>903.555.128.899</u>	-	-	<u>1.081.396.663.125</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 884.834.933.136 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng. (xem thuyết minh V.20).

Tài sản cố định phục vụ BCC:

Phương tiện, vận tải là Sà lan 375 có nguyên giá số tiền 99.524.197.128 VND, giá trị còn lại số tiền 85.693.075.701 VND phục vụ cho hoạt động hợp tác đầu tư của Công ty (xem thuyết minh V.19b).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Cầu Mitsui Paceco Portainer	405.242.490.657	(375.648.716.379)	29.593.774.278
Tàu Nha Trang	190.258.783.745	(51.264.172.286)	138.994.611.459
Tàu TC Princess	229.757.006.284	(7.932.087.122)	221.824.919.162
Tàu TC Apollo	173.810.497.360	(5.464.273.103)	168.346.224.257
Các tài sản cố định hữu hình khác	1.891.207.040.164	(1.368.569.906.195)	522.637.133.969
Cộng	2.890.275.818.210	(1.808.879.155.085)	1.081.396.663.125

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	98.814.485.186	448.600.000	99.263.085.186
Số cuối kỳ	98.814.485.186	448.600.000	99.263.085.186
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	448.600.000	448.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	448.600.000	448.600.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	448.600.000	448.600.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	98.814.485.186	-	98.814.485.186
Số cuối kỳ	98.814.485.186	-	98.814.485.186
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 98.814.485.186 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng (xem thuyết minh V.20).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định vô hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất toà nhà văn phòng	98.814.485.186	-	98.814.485.186
Phần mềm máy tính	448.600.000	(448.600.000)	-
Cộng	99.263.085.186	(448.600.000)	98.814.485.186

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	520.171.864.032	- 132.876.445.156	(407.079.140.008)	(44.984.921.600)	200.984.247.580
Tàu TC Apollo	194.237.533.321	6.105.885.639	(173.810.497.360)	(26.532.921.600)	-
Tàu TC Princess	247.962.816.046	246.190.238	(229.757.006.284)	(18.452.000.000)	-
Tàu Container	77.971.514.665	81.609.623.345	-	-	159.581.138.010
Cầu RTG	-	38.500.000.000	-	-	38.500.000.000
Các tài sản khác	-	6.414.745.934	(3.511.636.364)	-	2.903.109.570
Xây dựng cơ bản (*)	4.642.983.158	-	-	-	4.642.983.158
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	-	-	3.013.636.364
Dự án khác	1.629.346.794	-	-	-	1.629.346.794
Cộng	524.814.847.190	132.876.445.156	(407.079.140.008)	(44.984.921.600)	205.627.230.738

(*) Các công trình này sẽ được tiếp tục thực hiện khi Công ty bố trí được nguồn vốn phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

Một số hạng mục mua sắm tài sản cố định có giá trị theo sổ sách là 200.984.247.580 VND đã được thế chấp cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh V.20).

Tổng chi phí lãi vay được vốn hoá vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 4.918.231.093 VND (Cùng kỳ năm trước: Không phát sinh).

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến doanh thu chưa thực hiện dài hạn liên quan đến hoạt động chuyển nhượng tàu Royal và thuê lại tài sản hoạt động. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	26.729.900.000	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(10.691.960.000)	37.421.860.000
Số cuối kỳ	<u>16.037.940.000</u>	<u>37.421.860.000</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	179.315.371.461	115.156.357.603
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	15.987.600	70.489.169
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	46.024.260.062	16.388.207.048
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	15.466.755.556	14.253.982.489
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	7.417.350.406	6.454.469.549
Công ty Cổ phần Hỗ trợ Hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân Cảng	2.642.221.789	8.014.440.976
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	63.435.146.150	14.679.768.951
Công ty TNHH Dịch vụ Ngầm Tân Cảng Mermaid	-	3.809.579.785

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vận tải biển Tân Cảng	1.893.952.245	1.893.952.245
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	3.078.972.000
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	6.026.400.000	2.509.900.000
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	6.880.829.556	-
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	-	11.022.900
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	98.668.443	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	826.200.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	28.587.599.654	16.364.603.281
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu (*)	-	21.288.494.155
Phải trả các nhà cung cấp khác	587.129.561.181	391.564.247.911
Aussie Offshore Services Limited	92.451.641.138	81.549.974.267
Công ty Cổ phần Hàng Hải Dầu Khí Hải Dương	69.123.309.391	62.844.426.111
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu (*)	41.162.620.511	-
Genmarca Shipping Limited	20.252.377.275	25.782.198.650
Các nhà cung cấp khác	364.139.612.866	221.387.648.883
Cộng	766.444.932.642	506.720.605.514

Trong đó:

Khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng
tài sản cố định, bất động sản đầu tư

- (*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu không còn là bên liên quan của Công ty.

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước

14a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	63.992.480.288	51.329.723.726
Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Huỳnh Thy	8.923.233.200	8.923.233.200
Các khách hàng khác	32.037.683.155	30.043.583.155
Cộng	104.953.396.643	90.296.540.081

14b. Người mua trả tiền trước dài hạn

Là khoản trả trước liên quan đến Hợp đồng liên danh số SWPOC-TM-CA-CON-PC2-041 ký ngày 27/06/2025 giữa Công ty và các đối tác, gồm Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam, các nhà thầu Liên doanh Việt Nga - Vietsovpetro, và PT Timas Suplindo, về việc xây dựng và lắp đặt đường ống dẫn dầu Khối B Ô Môn, thời hạn thực hiện là 880 ngày. Tổng giá trị theo hợp đồng phần Công ty thực hiện là 2.685.884.751.818 VND. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty nhận được phần tạm ứng 10% tương đương 268.588.475.182 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng	40.500.145.000	-
Sài Gòn – Bến liên quan		
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác	61.170.562.500	-
Cộng	101.670.707.500	-

Thông tin bổ sung về cổ tức phải trả

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông theo tỷ lệ 25% mệnh giá cổ phiếu (tương đương 2.500 VND/Cổ phiếu). Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức là ngày 10 tháng 6 năm 2026. Thời gian thanh toán cổ tức là ngày 13 tháng 7 năm 2026.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	29.331.578.054	(29.331.578.054)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.602.919.536	(1.602.919.536)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	203.218.108.526	56.818.563.660	(203.218.108.526)	56.818.563.660
Thuế thu nhập cá nhân	1.321.283.018	2.025.065.745	(2.593.128.518)	753.220.245
Thuế nhà thầu	1.872.174.800	4.699.102.358	(4.245.791.049)	2.325.486.109
Cộng	206.411.566.344	94.477.229.353	(240.991.525.683)	59.897.270.014

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% - 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm (từ năm 2014 đến năm 2028).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	467.487.461.164	452.649.818.471
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(34.696.287.858)	192.082.038.411
• Các khoản điều chỉnh tăng	23.735.565.327	195.140.709.833
Chi phí không được trừ	10.964.209.630	7.330.319.192
Lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định chưa thực hiện cuối kỳ	-	187.109.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và các khoản phải thu cuối năm trước đã thực hiện năm nay</i>	12.771.355.697	701.090.641
• Các khoản điều chỉnh giảm	(58.431.853.185)	(3.058.671.422)
<i>Lãi Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	(4.972.053.185)	(3.058.671.422)
<i>Lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định đã thực hiện kỳ này</i>	(53.459.800.000)	-
Thu nhập chịu thuế	432.791.173.306	644.731.856.882
Thu nhập miễn thuế (cổ tức được chia)	(50.111.466.617)	(17.267.726.365)
Thu nhập tính thuế	382.679.706.689	627.464.130.517
Trong đó:		
<i>Thu nhập từ hoạt động khai thác cảng biển</i>	131.449.184.517	38.597.430.370
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	251.230.522.172	588.866.700.147
Thuế suất thuế TNDN phổ thông	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khai thác cảng	10%	10%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	76.535.941.338	125.492.826.103
<i>Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(13.144.918.452)	(3.859.743.037)
Thuế TNDN được miễn, giảm (50%)	(6.572.459.226)	(1.929.871.519)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	56.818.563.660	119.703.211.547

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	30.762.860.543	23.428.850.164
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	8.940.632.000	8.947.586.545
- Tiền thuê đất	8.940.632.000	8.940.632.000
- Phí thuê văn phòng	-	6.954.545
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang – Lãi vay phải trả	8.596.492.831	7.128.601.130
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng - Chi phí thuê tàu	-	3.909.360.000
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng - Chi phí đại lý tàu	350.303.393	2.876.599.689

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí lắp đặt thiết bị	-	566.702.800
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, dịch vụ mua ngoài	133.832.506	-
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid - Chi phí thuê tàu	12.741.599.813	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	85.284.915.355	28.755.532.450
Lãi vay phải trả	9.455.614.511	12.937.979.388
Chi phí thuê tàu phải trả	37.855.148.231	225.000.000
Aussie Offshore Services Limited	17.161.472.250	-
Aussie Offshore Services SG Pte. Ltd	11.473.839.000	-
Các đối tượng khác	9.219.836.981	225.000.000
Chi phí nhiên liệu phải trả	14.745.562.488	7.746.651.745
Chi phí thuyền viên nước ngoài	5.881.428.550	6.782.407.827
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	17.347.161.575	1.063.493.490
Cộng	116.047.775.898	52.184.382.614

18. Doanh thu chờ phân bổ

18a. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định ⁽ⁱ⁾	80.189.700.000	106.919.600.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác ⁽ⁱⁱ⁾	21.454.545.455	21.454.545.455
Cộng	101.644.245.455	128.374.145.455

- (i) Trong năm 2025, Công ty đã bán tàu TC Royal cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu (bên liên quan) với giá bán chưa thuế GTGT là 363.779.200.000 VND. Đồng thời, Công ty cũng ký hợp đồng ngày 31/03/2025 về việc thuê lại tàu Royal từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu, với thời gian thuê 24 tháng cộng thêm 12 tháng mở rộng (nếu có), tính từ ngày vận chuyển (ngày 31/3/2025).

Tại thời điểm chuyển nhượng, tàu TC Royal có giá trị ghi sổ 43.016.725.364 VND; giá trị hợp lý 149.940.000.000 VND (được xác định dựa trên kết quả Chứng thư thẩm định giá ngày 20/03/2025 của Công ty Cổ phần Thẩm định và Đầu tư tài chính Hoa Sen - Chi nhánh miền Nam). Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản đã được ghi nhận vào thu nhập khác, số tiền 106.923.274.636 VND (Thuyết minh VI.6).

Chênh lệch giữa giá bán và giá trị hợp lý của tài sản đã được ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện, số tiền 213.839.200.000 VND, và được phân bổ để ghi giảm chi phí thuê theo thời hạn thuê (24 tháng).

- (ii) Là doanh thu cho thuê thiết bị ROV chờ phân bổ trong vòng 22 tháng, số tiền 39.333.333.335 VND.

18b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định	-	26.729.900.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác (xem thuyết minh V.18a)	7.151.515.152	17.878.787.880
Cộng	7.151.515.152	44.608.687.880

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19. Phải trả ngắn hạn khác****19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	111.316.043	157.970.242
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng	106.316.043	152.970.242
Sài Gòn – Các khoản bảo hiểm và thu hộ phải trả		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển	5.000.000	5.000.000
Tân Cảng – Tiền chi hộ		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.541.794.549	4.055.268.235
Kinh phí công đoàn	586.610.886	222.379.825
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.289.961	17.843.200
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.230.808.300	2.230.808.300
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.719.085.402	1.584.236.910
Cộng	4.653.110.592	4.213.238.477

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ủy thác từ Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình Năng lượng Biển để thực hiện dự án “Đầu tư sà lan biển không tự hành – sà lan biển Hao Yi 11” theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2024/HĐUT/TCO ngày 12 tháng 12 năm 2024. Tổng giá trị dự án đầu tư tạm tính là 80.187.500.000 VND, trong đó, mỗi bên góp 17,5% tổng giá trị dự án, dự kiến là 14.093.750.000 VND, phần còn lại sẽ được huy động từ vốn vay. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp. Sà lan đã đi vào hoạt động và có doanh thu từ tháng 5 năm 2025. Việc phân chia lợi nhuận thực hiện tại cuối mỗi năm và dự kiến bắt đầu phân chia lợi cuối năm nay.

20. Vay**20a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng (*)	313.734.972.230	219.823.127.467
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	34.755.012.234	111.845.247.670
- Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Ngân hàng TMCP Quân đội	46.290.160.777	14.648.375.565
- Chi nhánh Đồng Hồ Chí Minh		
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	221.680.538.691	93.329.504.232
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	11.009.260.528	-
Vay dài hạn đến hạn trả	160.422.586.522	161.561.106.340
(xem thuyết minh số V.20b)		
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	5.378.857.680	9.831.557.680
- Chi nhánh Vũng Tàu		
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	87.641.525.862	86.013.875.092
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	65.703.673.568	65.715.673.568
- Chi nhánh Đồng Đa		
Ngân hàng Quốc tế HSBC Việt Nam	1.698.529.412	-
Cộng	474.157.558.752	381.384.233.807

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng, thời hạn 12 tháng, để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Hạn mức	Lãi suất/ năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Hợp đồng ngày 23/07/2025	300 tỷ VND	7,2% - 8%	Tài khoản tiền gửi tại cùng ngân hàng; 02 cầu RTG 6+1 và 01 cầu Kocks 73013; Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng cung cấp dịch vụ
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Hồ Chí Minh	Hợp đồng ngày 25/08/2025	80 tỷ VND	5,7% - 7,5%	02 cầu Container KOCKS
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Hợp đồng ngày 10/02/2025	5,1 triệu USD	3,2% - 5%	Các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Shinhanbank với giá trị 6 triệu USD
	Hợp đồng ngày 11/12/2024 đã sửa đổi ngày 29/12/2025	100 tỷ VND	6%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Hợp đồng ngày 20/5/2026	100 tỷ VND	7,7%	Tài sản cố định là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	219.823.127.467	161.561.106.340	381.384.233.807
Số tiền vay phát sinh	568.217.753.178	-	568.217.753.178
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	85.098.883.352	85.098.883.352
Chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại	308.206.172	-	308.206.172
Số tiền vay đã trả	(474.614.114.587)	(86.237.403.170)	(560.851.517.757)
Số cuối kỳ	313.734.972.230	160.422.586.522	474.157.558.752

20b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn bên liên quan	37.494.545.000	37.494.545.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang ⁽ⁱ⁾	36.494.545.000	36.494.545.000
Bên liên quan - Cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng⁽ⁱⁱⁱ⁾	622.042.822.340	386.593.058.252
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	360.874.309.664	303.586.937.980
Ngân hàng liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Vũng Tàu	131.576.478.099	9.413.000.939
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	102.415.563.989	73.593.119.333
Ngân hàng Quốc tế HSBC Việt Nam	27.176.470.588	-
Vay dài hạn các cá nhân^(iv)	38.800.000.000	38.800.000.000
Cộng	698.337.367.340	462.887.603.252

(i) Khoản vay Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng ký năm 2020 và phụ lục gia hạn ký ngày 15/06/2024, mục đích bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 8%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV và đầu tư vào dự án Cầu Kocks (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm và 8 năm). Chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Đầu tư tàu TC 89 và Phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9,0%/năm)	8.000.000.000	8.000.000.000	
Bên liên quan	-	-	
Các cá nhân khác	8.000.000.000	8.000.000.000	
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25,0%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000	
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000	
Cán bộ nhân viên Công ty	200.000.000	200.000.000	
Các cá nhân khác	30.600.000.000	30.600.000.000	
Cộng	39.800.000.000	39.800.000.000	
Trong đó:			
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000	
Các cá nhân khác	38.800.000.000	38.800.000.000	
(iii) Các khoản vay dài hạn ngân hàng để đầu tư tài sản cố định, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Chi tiết như sau:			
Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất/năm
Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam			
Hợp đồng ngày 26/4/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin/ Hạn mức vay: 65.000.000.000 VND	05 năm	7,0%
Hợp đồng ngày 08/11/2021	Đầu tư tàu Nha Trang/ Hạn mức vay: 129.920.000.000 VND	07 năm	7,29%
Hợp đồng ngày 07/4/2023	Đầu tư tòa nhà văn phòng 52 Trương Văn Bang/ Hạn mức vay: 77.000.000.000 VND	07 năm	6,68% - 7,90%
Hợp đồng ngày 7/01/2025	Đầu tư sà lan biển không tự hành TC 375/ Hạn mức vay: 52.000.000.000 VND	05 năm	6,68% - 7,90%
Hợp đồng ngày 11/09/2025	Đầu tư tàu dịch vụ dầu khí TC Apollo/ Hạn mức vay 121.646.000.000 VND	05 năm	6,38% - 7,6%
Hợp đồng ngày 24/09/2025	Đầu tư tàu dịch vụ dầu khí TC Princess/ Hạn mức vay 163.592.800.000 VND	07 năm	6,90% - 7,6%
Hợp đồng ngày 09/06/2025	Đầu tư tàu AHTS SOM03/ Hạn mức vay: 356.000.000.000 VND	07 năm	8,65%
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu			
Hợp đồng ngày 04/5/2021	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	7,3%
Hợp đồng ngày 20/9/2023	Đầu tư mua tàu TC Saturn	05 năm	7,8% - 8,8%
Hợp đồng ngày 12/02/2026	Đầu tư tàu Container LXCB2024124	9 năm	6,50%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam			
Hợp đồng ngày 12/6/2018	Đầu tư 02 cầu Mitsui	106 tháng	7,7% - 8,4%
Hợp đồng ngày 15/6/2022	Đầu tư 01 tàu TC Venus	60 tháng	8,1% - 8,8%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất/năm
Hợp đồng ngày 10/3/2025	Đầu tư 01 tàu Tan Cang 63. Hạn mức vay là 96.971.000.000 VND	60 tháng	6,5% - 8,2%
Hợp đồng ngày 21/01/2026	Đầu tư đóng mới tàu Container LXCB2024125	102 tháng	7,30%

Ngân hàng Quốc tế HSBC Việt Nam

Hợp đồng ngày 29/06/2026	Đầu tư 02 cầu eRTG 6+1	05 năm	8,40%
--------------------------	------------------------	--------	-------

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn bên liên quan	37.494.545.000	-	37.494.545.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	782.465.408.862	160.422.586.522	469.715.196.340	152.327.626.000
Vay dài hạn các cá nhân khác	38.800.000.000		38.800.000.000	-
Cộng	858.759.953.862	160.422.586.522	546.009.741.340	152.327.626.000

Số đầu năm

Vay dài hạn bên liên quan	37.494.545.000	-	37.494.545.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	548.154.164.592	161.561.106.340	348.128.450.252	38.464.608.000
Vay dài hạn các cá nhân khác	38.800.000.000	-	38.800.000.000	-
Cộng	624.448.709.592	161.561.106.340	424.422.995.252	38.464.608.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn bên liên quan	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân khác	Cộng
Số đầu năm	37.494.545.000	386.593.058.252	38.800.000.000	462.887.603.252
Số tiền vay phát sinh		320.548.647.440		320.548.647.440
Số tiền vay đã trả	-	-	-	-
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	-	(85.098.883.352)	-	(85.098.883.352)
Số cuối kỳ	37.494.545.000	622.042.822.340	38.800.000.000	698.337.367.340

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	105.361.186.393	-	(13.089.000.000)	92.272.186.393
Quỹ thưởng Ban điều hành	3.802.554.608	18.035.057.953	-	21.837.612.561
Cộng	109.163.741.001	18.035.057.953	(13.089.000.000)	114.109.798.954

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
Kỳ trước					
Số dư đầu năm	309.998.860.000	325.021.116.226	456.570.131.715	26.872.565.779	1.118.462.673.720
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	370.368.466.924	-	370.368.466.924
Trích lập các quỹ	-	116.284.562.763	(124.036.866.947)	-	(7.752.304.184)
Chia cổ tức	-	-	(92.999.658.000)	-	(92.999.658.000)
Số dư cuối kỳ	309.998.860.000	441.305.678.989	609.902.073.692	26.872.565.779	1.388.079.178.460
Kỳ này					
Số dư đầu năm	449.996.810.000	301.307.728.989	1.051.111.214.684	26.872.565.779	1.829.288.319.452
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	399.976.937.504	-	399.976.937.504
Trích lập các quỹ	-	793.542.549.963	(811.577.607.916)	-	(18.035.057.953)
Chia cổ tức	-	-	(112.499.202.500)	-	(112.499.202.500)
Số dư cuối kỳ	449.996.810.000	1.094.850.278.952	527.011.341.772	26.872.565.779	2.098.730.996.503

Sự kiện tăng vốn sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 13/08/2026, Công ty mẹ đã phát hành thành công 30.000.319 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/5/2026, đồng thời đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ và được Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 tại ngày 13/8/2026

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	162.000.580.000	162.000.580.000
Các Cổ đông khác	287.996.230.000	287.996.230.000
Cộng	449.996.810.000	449.996.810.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	44.999.681	44.999.681
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	44.999.681	44.999.681
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	44.999.681	44.999.681

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế các năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, số tiền 112.499.202.500 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	14.400.000.000	14.400.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	27.000.000.000	34.200.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	41.400.000.000	48.600.000.000

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê sả lan tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Á Châu. Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 1.200.000,000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 48 tháng tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2025.

23b. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Thuyết minh	Giá trị sổ sách		Bên nhận cầm cố, thế chấp
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	181.790.000.000	180.500.000.000	
Tiền gửi có kỳ hạn		157.740.000.000	156.450.000.000	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn		9.050.000.000	9.050.000.000	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn		15.000.000.000	15.000.000.000	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tài sản ngắn hạn khác	V.8	9.500.000.000	9.500.000.000	
Tiền gửi có kỳ hạn		4.500.000.000	4.500.000.000	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn		5.000.000.000	5.000.000.000	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tài sản cố định hữu hình	V.9	884.834.933.136	517.867.136.616	
Nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải		199.407.050.263	233.738.151.151	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
		48.820.748.116	55.833.311.098	Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga
		38.425.138.889	-	Ngân hàng Quốc tế HSBC Việt Nam
		598.181.995.868	228.295.674.367	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Tài sản cố định vô hình	V.10	98.814.485.186	98.814.485.186	
Quyền sử dụng đất		98.814.485.186	98.814.485.186	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	200.984.247.580	-	
		38.500.000.000	-	Ngân hàng Quốc tế HSBC Việt Nam
		159.581.138.010	-	Ngân hàng liên doanh Việt - Nga
Mua sắm tài sản cố định		1.961.051.333	-	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
		942.058.237	-	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Cộng		1.375.923.665.902	806.681.621.802	

23c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	10.297.613,81	12.129.319,70
Bath Thái (THB)	1.706.178,57	1.796.764,81

23d. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	1.245.653.127	1.245.653.127
Jungwon Maritime Pte. Ltd (*)	21.267.976.405	21.267.976.405

(*) Khoản nợ phải thu khách hàng đã được Công ty trích lập dự phòng từ năm 2020 và đã được xử lý xóa nợ theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/BBH-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	1.133.340.185.785	1.118.778.203.698
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	184.611.813.638	79.680.611.304
Doanh thu khác	62.115.308.138	68.101.664.596
Cộng	1.380.067.307.561	1.266.560.479.598

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.2b.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ ngoài khơi	776.159.957.800	777.894.130.159
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	34.147.707.093	31.990.346.088
Giá vốn của dịch vụ khác	55.274.354.981	55.669.864.193
Cộng	865.582.019.874	865.554.340.440

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	6.723.105.588	4.630.603.587
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.111.466.617	17.267.726.365
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.808.964.828	6.962.968.204
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.317.769.715	-
Cộng	64.961.306.748	28.861.298.156

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	31.594.719.483	23.779.693.693
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.687.755.734	1.278.169.517
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.455.313.943
Dự phòng tổn thất đầu tư	11.190.729.571	-
Chi phí tài chính khác	3.872.353.034	660.238.930
Cộng	49.345.557.822	27.173.416.083

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	29.440.912.547	27.073.618.860
Chi phí vật liệu quản lý	704.252.304	873.534.036
Chi phí đồ dùng văn phòng	438.604.045	433.872.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.824.847.128	1.079.726.281
Thuế, phí và lệ phí	74.150.060	28.183.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.084.578.837	10.184.545.503
Các chi phí khác	15.491.122.385	10.764.274.833
Cộng	62.058.467.306	50.437.754.975

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tàu TC Royal (thuyết minh V.18a)	-	100.502.987.780
- <i>Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản</i>	-	106.923.274.636
- <i>Chi phí thanh lý tài sản</i>	-	(6.420.286.856)
Thu tiền bồi thường	208.543.866	384.425.936
Thu nhập khác	6.919.922	462.901.481
Cộng	215.463.788	101.350.315.197

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.422.109.216	78.932.985.790
Chi phí nhân công	148.601.260.038	81.174.612.576
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.133.941.780	58.649.541.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	854.859.351.599	627.206.447.236
Chi phí khác	49.544.800.463	104.239.784.046
Chênh lệch tăng/giảm hàng tồn kho (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang)	(320.488.885.432)	(33.254.513.237)
Cộng	928.072.577.664	916.948.858.397

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thụ được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	36.360.000.000	39.960.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	18.180.000.000	39.960.000.000
Cộng	54.540.000.000	79.920.000.000

Thông tin về tài sản cho thuê hoạt động như sau:

Bên thuê	Tài sản cho thuê	Giá	Thời hạn cho thuê
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Tàu Tân Cảng 62	930.000.000 VND/1 tháng	2 năm, tính từ ngày 01/01/2026
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	Tàu Nha Trang	2.100.000.000 VND/1 tháng	2 năm, tính từ ngày 01/01/2026

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Cộng thu nhập
Ông Lê Đăng Phúc	Chủ tịch HĐQT	1.009.746.000	177.750.000	1.187.496.000
Ông Nguyễn Sơn (*)	Thành viên HĐQT	-	-	-
Ông Trần Quang Thảo (*)	Ủy viên HĐQT	-	-	-
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng BKS (Đến 20/05/2026)	280.266.667	64.900.000	345.166.667
Ông Trương Bá Minh	Trưởng BKS (Từ 21/05/2026)	73.812.540	5.000.000	78.812.540
Bà Vũ Thị Hải Yến (*)	Thành viên BKS	-	-	-
Ông Vũ Nhật Anh	Thành viên BKS (Từ 20/05/2026)	-	-	-
Ông Phạm Huy Vũ	Thành viên BKS (Từ 20/05/2026)	-	-	-
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Tổng Giám đốc (từ 02/07/2025)	549.000.000	101.500.000	650.500.000
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	487.800.000	89.300.000	577.100.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	382.308.000	71.000.000	453.308.000
Ông Phạm Quang Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (Từ 23/06/2026)	-	-	-
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	379.300.000	71.000.000	450.300.000
Cộng		3.162.233.207	580.450.000	3.742.683.207

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Cộng thu nhập
<i>Kỳ trước</i>				
Ông Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT /Tổng Giám đốc	771.462.000	138.250.000	909.712.000
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng BKS	297.900.000	58.450.000	356.350.000
Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	354.000.000	67.000.000	421.000.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	456.600.000	84.100.000	540.700.000
Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	355.436.000	67.000.000	422.436.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	349.200.000	67.000.000	416.200.000
Cộng		2.584.598.000	481.800.000	3.066.398.000

(*) Một số thành viên quản lý chủ chốt không hưởng lương, thù lao tại Công ty.

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ("SNP")	Cổ đông lớn (sở hữu 36% vốn điều lệ)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Công ty con (từ 21/4/2026)/Công ty liên kết (đến ngày 20/4/2026)
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dương Anh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân Cảng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Hàng Hải Á Châu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt (Đến ngày 09/01/2026)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	154.611.813.638	120.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	1.172.741.053	1.143.590.615
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	5.580.000.000	4.970.332.300
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	17.621.946.856	512.792.058
Công ty Cổ phần Vận tải biển Tân Cảng	17.927.592.500	16.150.961.985
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry	1.297.412.212	307.419.075
Công ty TNHH Dịch vụ Ngầm Tân Cảng Mermaid	10.414.733.613	12.374.368.000
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	2.504.444.444	1.428.981.482
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	30.000.000.000	66.582.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	22.341.080.529	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	9.300.000.000	-
Sử dụng dịch vụ của các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	83.640.345	76.031.697
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	53.779.177.763	32.297.898.549
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	12.261.671.282	3.687.475.000
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	21.857.464.765	10.650.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Tân Cảng	-	1.547.793.683
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry	108.387.374.904	19.070.762.655
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	3.257.520.689	1.871.145.639
Công ty TNHH Dịch vụ Ngầm Tân Cảng Mermaid	12.741.599.813	-
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	5.580.000.000	4.960.000.000
Công ty CP Đầu Tư và Quản Lý Tài Sản Á Châu	7.992.578.034	46.873.903.084
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	-	39.432.047.156
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	1.827.193.387	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	765.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	1.304.295.270	10.449.105.248
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	28.350.889.000
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	7.855.832.480	3.526.818.100
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	11.178.351.617	9.617.726.365
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	7.650.000.000	7.650.000.000
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	2.520.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	5.062.500.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	9.603.360.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Ngầm Tân Cảng Mermaid	7.467.255.000	-
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	6.630.000.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay phải thu		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	401.671.233	401.671.233
Lãi vay phải trả		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	1.467.891.701	1.467.891.701
Góp vốn vào các công ty		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng	-	142.500.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện	-	140.000.000.000
Chia cổ tức cho các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	40.500.145.000	33.479.997.000
Bán tài sản và thuê lại tài sản hoạt động:		
Bán tài sản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	-	363.779.200.000
Chi phí thuê lại tài sản hoạt động từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	47.086.350.000	23.468.466.820

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các Thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13, V.15, V.17, V.19a và V.20b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ ngoài khơi.
- Lĩnh vực kinh doanh: Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.195.455.493.923	184.611.813.638	1.380.067.307.561
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.195.455.493.923	184.611.813.638	1.380.067.307.561
Giá vốn hàng bán	(831.434.312.781)	(34.147.707.093)	(865.582.019.874)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	364.021.181.142	150.464.106.545	514.485.287.687
Chi phí bán hàng			(432.090.484)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(62.058.467.306)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			451.994.729.897
Doanh thu hoạt động tài chính			64.961.306.748
Chi phí tài chính			(49.345.557.822)
Thu nhập khác			215.463.788
Chi phí khác			(338.481.447)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(56.818.563.660)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(10.691.960.000)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			399.976.937.504
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.186.879.868.294	79.680.611.304	1.266.560.479.598
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.186.879.868.294	79.680.611.304	1.266.560.479.598
Giá vốn hàng bán	(833.563.994.352)	(31.990.346.088)	(865.554.340.440)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	353.315.873.942	47.690.265.216	401.006.139.158
Chi phí bán hàng			(956.762.982)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(50.437.754.975)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			349.611.621.201
Doanh thu hoạt động tài chính			28.861.298.156
Chi phí tài chính			(27.173.416.083)
Thu nhập khác			101.350.315.197
Chi phí khác			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(119.703.211.547)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			37.421.860.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			370.368.466.924

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.960.124.332.933	68.018.913.167	4.028.143.246.100
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			918.565.737.542
Tổng tài sản			4.946.708.983.642
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.707.414.188.185	26.454.000.000	2.733.868.188.185
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			114.109.798.954
Tổng nợ phải trả			2.847.977.987.139
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.054.476.955.543	49.905.368.454	3.104.382.323.997
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			1.048.389.270.000
Tổng tài sản			4.152.771.593.997
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.170.225.533.544	44.094.000.000	2.214.319.533.544
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			109.163.741.001
Tổng nợ phải trả			2.323.483.274.545

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, Công ty áp dụng Thông tư 99 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Một số số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ					
Các khoản tương đương tiền	112	209.500.000.000	(8.860.641.765)	200.639.358.235	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	124.050.000.000	1.163.152.328	125.213.152.328	(ii)
Phải thu ngắn hạn khác	135	6.724.726.165	(3.747.250.292)	2.977.475.873	(iii)
Tài sản ngắn hạn khác	165	-	9.519.232.877	9.519.232.877	(iv)
Phải thu về cho vay dài hạn		9.000.000.000	(9.000.000.000)	-	(v)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	156.450.000.000	10.925.506.852	167.375.506.852	(v)

- (i) Trình bày lại tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng dùng để cầm cố, thế chấp từ “Tiền và tương đương tiền” sang “Tài sản ngắn hạn khác”; và lãi dự thu của các khoản tương đương tiền không bị hạn chế sử dụng từ “Phải thu ngắn hạn khác” sang “Tiền và tương đương tiền”.
- (ii) Trình bày lại lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng từ “Phải thu ngắn hạn khác” sang “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn”.
- (iii) Trình bày lại lãi dự thu tiền gửi và lãi cho vay từ “Phải thu ngắn hạn khác” sang các chỉ tiêu tương ứng theo phân loại của khoản gốc.
- (iv) Trình bày lại tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng dùng để cầm cố, thế chấp và lãi dự thu tương ứng sang “Tài sản ngắn hạn khác”.
- (v) Trình bày lại khoản cho vay dài hạn và lãi cho vay tương ứng sang “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn”.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/ tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh IV.5);
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình/vô hình (Thuyết minh IV.8, 9 và V.9, 10);

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Đỗ Thế Cường

Vũ Quang Tiến

Nguyễn Phùng Hưng